

Bản án số: 15/2020/KDTM-ST

Ngày: 30-09-2020

V/v: Tranh chấp về hợp đồng cho
thuê hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Quốc Hưng
2. Bà Nguyễn Thị Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 89/2019/TLST-KDTM ngày 12 tháng 12 năm 2019, về việc “Tranh chấp về hợp đồng cho thuê hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2020/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2020/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TAP.

Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Thanh T, sinh năm: 1982; địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh – Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 02/GUQ/2020).

Bị đơn: Công ty A.C..

Trụ sở: Đường A1, phường B1, quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Đỗ Thanh T vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TAP có ông Đỗ Thanh T đại diện trình bày:

Ngày 14/6/2018, nguyên đơn Công ty TAP (sau đây gọi tắt là Công ty TAP) và bị đơn Công ty A.C. (sau đây gọi tắt là Công ty A.C.) ký kết Hợp đồng cho thuê thiết bị xây dựng số: 72/18/HĐCTTB (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) về việc cho thuê thiết bị xây dựng. Trong Hợp đồng nêu trên, các bên thỏa thuận phía nguyên đơn cho bị đơn thuê các thiết bị xây dựng, các bên còn thỏa thuận về giá thuê, thời gian thuê, việc thanh toán tiền thuê, vận chuyển, quyền và nghĩa vụ giữa các bên.... Phía bị đơn đã đặt cọc số tiền 35.979.000 đồng cho phía nguyên đơn để thuê thiết bị.

Thực hiện hợp đồng, phía nguyên đơn đã thực hiện việc giao các thiết bị xây dựng đầy đủ theo thỏa thuận giữa các bên vào các đợt ngày 15/6/2018, ngày 16/6/2018, ngày 23/6/2018, ngày 01/7/2018, ngày 07/7/2018, tuy nhiên phía bị đơn đã không thực hiện việc thanh toán tiền thuê đúng như thỏa thuận, cũng như không trả lại các thiết bị xây dựng đã thuê cho nguyên đơn.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền thuê thiết bị theo giá đã thỏa thuận trong Hợp đồng từ ngày bắt đầu thuê thiết bị tính đến ngày 20/9/2019 là: 505.321.082 đồng, đồng thời phía nguyên đơn xác định ngày 21/9/2020 là thời điểm không tính tiền thuê và chuyển sang bồi thường theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng. Do phía bị đơn không trả lại các thiết bị đã thuê và hiện nay nguyên đơn không biết các tài sản cho thuê ở đâu, do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường do không trả các trang thiết bị đã thuê theo đơn giá các bên thống nhất trong khoản 1.2 của Điều 1 Hợp đồng và Bảng báo giá cho thuê ngày 22/6/2018 với tổng số tiền là: 373.715.000 đồng. Tổng cộng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền là: 879.036.082 đồng, sau khi trừ đi khoản tiền 35.979.000 đồng phía bị đơn đã đặt cọc thì bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn là: 843.057.082 đồng, yêu cầu trả ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, phía nguyên đơn không có yêu cầu gì về tiền lãi.

P phía bị đơn Công ty A.C. và đại diện theo pháp luật của Công ty A.C. là ông Hồ Anh T đã được Tòa án thực hiện việc thông báo về việc giải quyết vụ án trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và phía nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ngày 12/12/2019 Tòa án thụ lý vụ án, đến ngày 14/9/2020 Tòa án mới ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Hợp đồng cho thuê số: 72/18/HĐCTTB về việc cho thuê thiết bị xây dựng được ký kết là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các

bên, có hình thức và nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực pháp luật, ràng buộc quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Phía bị đơn đã vi phạm các nghĩa vụ thanh toán tiền thuê trong Hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả lại tài sản thuê, do đó căn cứ thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng, quy định tại Điều 271, 274, 302, 303, 304 Luật Thương mại năm 2005 thì nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền thuê, tiền bồi thường tổng cộng là: 843.057.082 đồng là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản tiền do bị đơn vi phạm Hợp đồng cho thuê thiết bị xây dựng, cả nguyên đơn và bị đơn đều là tổ chức có đăng ký kinh doanh và ký kết Hợp đồng có mục đích lợi nhuận, do đó quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về hợp đồng cho thuê hàng hóa”, quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Công ty A.C. có trụ sở tại Quận 2, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về thời hiệu khởi kiện: Phía nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện, phía bị đơn vắng mặt không có lý do, đồng thời không có văn bản yêu cầu Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án không xem xét về thời hiệu khởi kiện vụ án.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc giải quyết vụ án cho bị đơn Công ty A.C. và người đại diện theo pháp luật của Công ty A.C. là ông Hồ Anh T.

Tuy nhiên, bị đơn Công ty A.C. và ông Hồ Anh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên tòa sơ thẩm mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty A.C. và ông Hồ Anh T.

Đối với việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đỗ Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của ông T không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn.

Xét thấy đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đỗ Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Công ty A.C. và đại diện theo pháp luật là ông Hồ Anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1

Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của phía nguyên đơn, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 14/6/2018, nguyên đơn Công ty TAP và bị đơn Công ty A.C. có ký Hợp đồng kinh tế số 72-18/HĐCTTB về việc cho thuê thiết bị xây dựng. Trong Hợp đồng nêu trên, các bên thỏa thuận phía nguyên đơn cho bị đơn thuê các thiết bị xây dựng, các bên còn thỏa thuận về giá thuê, thời gian thuê, việc thanh toán, quyền và nghĩa vụ giữa các bên.... Phía bị đơn có đặt cọc cho nguyên đơn số tiền 35.979.000 đồng để thuê thiết bị.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của nguyên đơn, bị đơn thì các bên đều là các tổ chức có đăng ký kinh doanh. Xét Hợp đồng nêu trên giữa các bên là tự nguyện, có nội dung và hình thức đúng với các quy định của pháp luật, việc các bên ký kết Hợp đồng là hợp pháp nên có giá trị ràng buộc các bên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Căn cứ các Phiếu xuất kho ngày 15/6/2018, ngày 16/6/2018, ngày 23/6/2018, ngày 01/7/2018, ngày 07/7/2018 của phía nguyên đơn, có đủ cơ sở để xác định Công ty TAP đã thực hiện việc giao các thiết bị xây dựng cho bị đơn Công ty A.C. theo nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng. Tuy nhiên, từ khi nhận thiết bị xây dựng đến nay, phía bị đơn Công ty A.C. không thanh toán bất kỳ khoản tiền thuê thiết bị nào cho Công ty TAP, cũng không trả lại các thiết bị thuê cho phía nguyên đơn, do đó Công ty A.C. đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, trả lại tài sản thuê theo thỏa thuận tại điểm 5.2.5 và điểm 5.2.6 khoản 5.2, Điều 5 của Hợp đồng và quy định tại Điều 271 Luật Thương mại năm 2005 về quyền và nghĩa vụ của bên thuê.

Căn cứ thỏa thuận của các bên tại Điều II của Hợp đồng thì thời gian thuê được tính từ ngày nguyên đơn giao thiết bị đến ngày bị đơn hoàn trả lại thiết bị, đến thời điểm hiện tại phía bị đơn vẫn chưa hoàn trả các thiết bị xây dựng đã thuê cho nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền thuê tính từ ngày giao thiết bị xây dựng đến ngày 20/9/2020 theo đơn giá thỏa thuận trong Hợp đồng với tổng số tiền thuê: 505.321.082 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Do phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả lại các thiết bị xây dựng đã thuê theo Hợp đồng, mặt khác theo thỏa thuận tại điểm 5.2.3, khoản 5.2, Điều 5 của Hợp đồng thì khi xảy ra mất mát, hư hỏng, có rủi ro thì phía bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn theo đơn giá thiết bị xây dựng được ghi tại khoản 1.2 Điều 1 của Hợp đồng, phía nguyên đơn cũng xác định thời gian không tính tiền thuê và chuyển sang bồi thường là ngày 21/9/2020. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường số tiền 373.715.000 đồng tương đương với giá trị thiết bị xây dựng đã cho thuê theo đơn giá quy định tại khoản 1.2 Điều 1 của Hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 274, Điều 302, Điều 303, Điều 304 Luật Thương mại năm 2005.

Đối với khoản tiền đặt cọc 35.979.000 đồng, nguyên đơn đồng ý trừ vào các khoản tiền bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn. Do đó, số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: (505.321.082 đồng + 373.715.000 đồng) - 35.979.000 đồng = 843.057.082 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nêu trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để chấp nhận. Phía nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty TAP, buộc bị đơn Công ty A.C. phải trả cho Công ty TAP số tiền là: 843.057.082 đồng ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo:

Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được cấp, tổng đạt, thông báo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 271, 274, 302, 303, 304 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bị đơn Công ty A.C. phải thanh toán cho Công ty TAP số tiền là: 843.057.082 đồng (*Tám trăm bốn mươi ba triệu, không trăm năm mươi bảy*

ngàn, không trăm tám mươi hai đồng) ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 37.291.712 đồng (*Ba mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm mười hai đồng*) bị đơn Công ty A.C. phải chịu. Công ty A.C. chưa nộp án phí.

Hoàn lại cho Công ty TAP số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 14.275.376 đồng (*Mười bốn triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm bảy mươi sáu đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0027119 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 12/12/2019.

3. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Công ty TAP, Công ty A.C. có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được cấp, tổng đạt, niêm yết, thông báo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Thực